|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH SÓC TRĂNG**Số: /KH-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Sóc Trăng, ngày tháng 10 năm 2023* |

**DỰ THẢO**

###### KẾ HOẠCH

**Thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục**

**tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024 - 2025 tỉnh Sóc Trăng**

Thực hiện Công văn số 3450/LĐTBXH-VPQGGN ngày 24/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024 - 2025; Công văn số 3574/LĐTBXH-VPQGGN ngày 31/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hiệu chỉnh Phụ lục kèm theo Công văn số 3450/LĐTBXH-VPQGGN;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024 - 2025 tỉnh Sóc Trăng, như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống thoát nghèo bền vững, góp phần hoàn thành các mục tiêu về giảm nghèo của tỉnh.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Trong năm 2024 giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,5% - 2% so với với kết quả rà soát năm 2023; trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer hằng năm từ 2% - 3% (theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ). Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn lại dưới 2%.

- Giải quyết việc làm mỗi năm (trong các năm 2024 và 2025) cho 6.000 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; trong đó, đưa 60 người lao động đi học tập, làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- Đào tạo nghề mỗi năm (trong các năm 2024 và 2025) cho 3.500 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng từ 11 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; phấn đấu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi tại xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xuống dưới 8%.

- 100% người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong độ tuổi đi học đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn “nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng” đạt 70%.

- 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh và 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận dịch vụ internet; 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo có phương tiện phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin.

**3. Kết quả chủ yếu**

Phấn đấu thực hiện đạt các mục tiêu đề ra, nhằm góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, cải thiện cuộc sống. Đồng thời, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin của các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 - 2025.

**II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**

a) Nội dung: Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

b) Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 1.650 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.500 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 150 triệu đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác: 500 triệu đồng (người dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác).

**2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

a) Nội dung: Triển khai xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

b) Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 59.937 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách trung ương: 54.477 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 5.460 triệu đồng.

- Vốn huy động hợp pháp khác: 2.000 triệu đồng (vốn người dân đóng góp và vốn huy động hợp pháp khác).

**3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp:

- Nội dung: Triển khai các hoạt động phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 24.744 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 22.484 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 2.260 triệu đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 1.000 triệu đồng (vốn người dân đóng góp và vốn huy động hợp pháp khác).

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng:

- Nội dung:

+ Triển khai các hoạt động hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 8.400 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 7.630 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 770 triệu đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 200 triệu đồng.

**4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn:

- Nội dung: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 23.089 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 20.989 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương 2.100 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

- Nội dung: Triển khai các hoạt động hỗ trợ người lao động sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 440 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 400 triệu đồng;

+ Ngân sách địa phương: 40 triệu đồng;

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững:

- Nội dung:

+ Triển khai các hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; hỗ trợ giao dịch việc làm; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 21.279 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 19.339 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 1.940 triệu đồng.

**5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**

Do tỉnh Sóc Trăng không có huyện nghèo giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, nên không thực hiện dự án này.

**6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin:

- Nội dung: Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông; cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Trạm Truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo) để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 13.072 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 11.872 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 1.200 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều:

- Nội dung:

+ Triển khai các hoạt động xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Sóc Trăng chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở; phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 4.208 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 3.818 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 390 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 11.298 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 10.263 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 1.035 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá:

- Nội dung:

+ Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 5.976 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 5.426 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 550 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**8.** Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024 - 2025 là 174.093 triệu đồng; trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 158.198 triệu đồng.

- Vốn ngân sách địa phương: 15.895 triệu đồng.

- Huy động hợp pháp khác: 3.700 triệu đồng.

*(Kèm theo Phụ lục I, Phụ lục II).*

**III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án đúng theo nguyên tắc của Chương trình**

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Tổ chức thực hiện một số hoạt động của Chương trình bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

**2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực**

- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

**3. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia**

Thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này theo quy định; tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Chủ trì hướng dẫn các sở, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện hiệu quả Kế hoạch này; hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**2. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền đảm bảo kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình (nguồn vốn sự nghiệp) theo phân cấp hiện hành và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

**3. Các sở, ngành chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025**

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng của địa phương năm tiếp theo giao cho các sở, ngành và các địa phương thực hiện đối với dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp vào kế hoạch chung hằng năm theo quy định.

- Lập kế hoạch vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng của địa phương hằng năm để triển khai các hoạt động của Kế hoạch này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

- Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công chủ trì.

- Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lắp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ngành, địa phương.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung Kế hoạch này theo quy định gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

- Báo cáo kết quả thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch này theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

- Lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

**4.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tập thể, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia ủng hộ trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình và các chính sách an sinh xã hội khác; phối hợp theo dõi, giám sát công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

**5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương chủ động xây dựng kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện theo phân cấp quản lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý.

- Kiện toàn bộ máy tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện theo quy định.

- Bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2024 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, xem xét bố trí nguồn lực để địa phương triển khai thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2024 - 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |
| - Bộ Y tế;- Bộ Tài chính;- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Bộ Thông tin và Truyền thông;- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;- Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư;- Lưu: VT, VX. | **CHỦ TỊCH** |

**Phụ lục I**

**ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH VỐN**

**(SỰ NGHIỆP) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2023*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

ĐVT: Triệu đồng.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Dự án, hoạt động** | **Tổng cộng** | **Ngân sách trung ương** | **Ngân sách địa phương** | **Huy động khác** |
|  | **Tổng cộng** | **86.419** | **78.529** | **7.890** | **1.850** |
| 1 | Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo | 825 | 750 | 75 | 250 |
| - | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo | 825 | 750 | 75 | 250 |
| 2 | Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo  | 29.920 | 27.195 | 2.725 | 1.000 |
| 3 | Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng | 16.572 | 15.057 | 1.515 | 600 |
| - | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 12.372 | 11.242 | 1.130 | 500 |
| - | Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng | 4.200 | 3.815 | 385 | 100 |
| 4 | Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm | 21.978 | 19.978 | 2.000 | 0 |
| - | Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn | 11.095 | 10.085 | 1.010 |   |
| - | Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài | 220 | 200 | 20 |   |
| - | Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững | 10.663 | 9.693 | 970 |   |
| 5 | Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo | 0 | 0 | 0 |   |
| 6 | Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin | 8.480 | 7.700 | 780 |   |
| - | Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin | 6.338 | 5.758 | 580 |   |
| - | Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo | 2.142 | 1.942 | 200 |   |
| 7 | Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình | 8.644 | 7.849 | 795 |   |
| - | Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình | 5.397 | 4.902 | 495 |   |
| - | Tiểu Dự án: Giám sát, đánh giá | 3.247 | 2.947 | 300 |   |

**Phụ lục II**

**ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH VỐN**

**(SỰ NGHIỆP) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2023*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

ĐVT: Triệu đồng.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Dự án, hoạt động** | **Tổng cộng** | **Ngân sách trung ương** | **Ngân sách địa phương** | **Huy động khác** |
|  | **Tổng cộng** | **87.674** | **79.669** | **8.005** | **1.850** |
| 1 | Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo | 825 | 750 | 75 | 250 |
| - | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo | 825 | 750 | 75 | 250 |
| 2 | Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo  | 30.017 | 27.282 | 2.735 | 1.000 |
| 3 | Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng  | 16.572 | 15.057 | 1.515 | 600 |
| - | Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp | 12.372 | 11.242 | 1.130 | 500 |
| - | Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng | 4.200 | 3.815 | 385 | 100 |
| 4 | Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm | 22.830 | 20.750 | 2.080 | 0 |
| - | Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn | 11.994 | 10.904 | 1.090 |   |
| - | Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài | 220 | 200 | 20 |   |
| - | Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững | 10.616 | 9.646 | 970 |   |
| 5 | Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo | 0 | 0 | 0 |   |
| 6 | Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin | 8.800 | 7.990 | 810 |   |
| - | Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin | 6.734 | 6.114 | 620 |   |
| - | Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo | 2.066 | 1.876 | 190 |   |
| 7 | Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình | 8.630 | 7.840 | 790 |   |
| - | Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình | 5.901 | 5.361 | 540 |   |
| - | Tiểu Dự án: Giám sát, đánh giá | 2.729 | 2.479 | 250 |   |